



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP NHIỆT ĐỚI



BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ ĐA DẠNG SINH HỌC CÔNG TY TNHH MTV CAO SU LỘC NINH

Tên đơn vị tư vấn: Viện Nghiên cứu và Phát triển Lâm nghiệp Nhiệt đới

Địa chỉ: Số 240, đường Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 024- 7304.8886

Fax: 024-7309.8886

Website: www.introford.org.vn; www.introford.com

Hà Nội, năm 2020

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	i
PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ KHU VỰC NGHIÊN CỨU	1
1. Sơ lược về Công ty TNHH MTV Cao Su Lộc Ninh	1
2. Tính cấp thiết của nghiên cứu	1
PHẦN II. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	3
1. Nội dung nghiên cứu.....	3
2. Phạm vi nghiên cứu.....	3
3. Phương pháp nghiên cứu	3
3.1. Phương pháp điều tra thực vật bậc cao	3
3.2. Phương pháp điều tra nhóm thú.....	4
3.3. Phương pháp điều tra nhóm chim	4
3.4. Phương pháp điều tra nhóm bò sát - lưỡng cư.....	5
3.5. Phương pháp điều tra nhóm côn trùng.....	5
3.6. Đánh giá tình trạng bảo tồn các loài động, thực vật	5
PHẦN III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	6
1. Kết quả điều tra thực vật bậc cao.....	6
2. Kết quả điều tra khu hệ động vật có xương sống	7
2.1. Đa dạng khu hệ thú	7
2.2. Đa dạng khu hệ chim	8
2.3. Đa dạng khu hệ bò sát-lưỡng cư	9
2.4 Kết quả điều tra côn trùng.....	11
PHẦN IV. KẾT LUẬN.....	13
1. Thành phần loài thực vật bậc cao.....	13
2. Thành phần loài khu hệ động vật có xương sống:	13
3. Thành phần các loài côn trùng:	13
4. Tình trạng bảo tồn các loài động, thực vật:	13
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	14
PHỤ LỤC I - DANH MỤC CÁC THỰC VẬT RỪNG CHỦ YẾU	1
PHỤ LỤC II - DANH MỤC CÁC LOÀI THÚ CHỦ YẾU	4
PHỤ LỤC III - DANH MỤC CÁC LOÀI CHIM CHỦ YẾU.....	5
PHỤ LỤC IV - DANH MỤC CÁC LOÀI BÒ SÁT CHỦ YẾU.....	7
PHỤ LỤC V - DANH MỤC CÁC LOÀI LƯỠNG CƯ CHỦ YẾU	8
PHỤ LỤC VI - DANH MỤC CÁC LOÀI CÔN TRÙNG CHỦ YẾU	9

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Ý nghĩa
Công ty Lộc Ninh	Công Ty TNHH MTV Cao Su Lộc Ninh
IUCN	Hiệp hội Bảo tồn thiên nhiên thế giới
NĐ 06/2019	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ: Về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp
NĐ 64/2019	Nghị định số 64/2019/NĐ-CP về Sửa đổi Điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ.
SĐVN 2007	Sách Đỏ Việt Nam năm 2007

DANH MỤC BẢNG

Bảng 3.1. Đa dạng các họ thực vật bậc cao tại Công ty Lộc Ninh	6
Bảng 3.2. Đa dạng các họ động vật có vú tại Công ty Lộc Ninh.....	7
Bảng 3.3. Đa dạng các họ chim tại Công ty Lộc Ninh	8
Bảng 3.4. Đa dạng các họ bò sát tại Công ty Lộc Ninh.....	10
Bảng 3.5. Đa dạng các họ lưỡng cư tại Công ty Lộc Ninh.....	10
Bảng 3.6. Đa dạng các họ côn trùng tại Công ty Lộc Ninh.....	11

PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ KHU VỰC NGHIÊN CỨU

1. Sơ lược về Công ty TNHH MTV Cao Su Lộc Ninh

Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh, tiền thân là đồn điền CEXO của Pháp, được tiếp quản vào ngày 25/3/1973, tháng 5 năm 1973 vườn cây được đưa vào khai thác thuộc Ban cao su Nam Bộ. Năm 1978 được thành lập là Nông trường quốc doanh Cao su Lộc Ninh. Năm 1981 đổi tên thành Công ty Cao su Lộc Ninh và tháng 6/2010 chuyển thành Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh. Sau 40 năm xây dựng và phát triển, đến nay Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh đã trở thành một doanh nghiệp lớn, hiệu quả sản xuất kinh doanh cao, đời sống người lao động không ngừng được cải thiện, đã và đang góp phần đáng kể trong việc phát triển của ngành cao su Việt Nam và địa phương. Hiện tại Công ty có tổng diện tích là 10.800 ha, trong đó cao su khai thác bình quân 7.000 ha; nằm trải dài trên 2 huyện Lộc Ninh và Bù Đốp phía tây bắc tỉnh Bình Phước. Toàn công ty có 12 đơn vị trực thuộc gồm 07 Nông trường, 01 Xí nghiệp Cơ khí - Chế biến, 01 Xí nghiệp Xây Lắp, 01 Bệnh viện đa khoa, 02 Công ty con và cơ quan Công ty. Với 4.500 CNVC - LĐ, trong đó có 250 công nhân đồng bào dân tộc thiểu số. Đạt được thành quả đó là nhờ sự nỗ lực lao động quên mình của nhiều thế hệ CB CNV - LĐ Công ty.

2. Tính cấp thiết của nghiên cứu

Hiện tại, các sản phẩm của Công ty TNHH MTV Cao Su Lộc Ninh tương đối đa dạng và đạt chất lượng cao, không chỉ tiêu thụ rộng rãi tại thị trường nội địa mà còn được xuất khẩu sang các quốc gia như: Mỹ, Pháp, Nga,...

Tuy nhiên, do nhu cầu thị trường đối với các sản phẩm từ cây cao su ngày càng tăng mạnh, nhiều doanh nghiệp tiêu thụ cao su thiên nhiên và gỗ cao su với quy mô lớn trên thế giới đã đưa ra những tuyên bố về chính sách thu mua nguyên liệu bền vững và có chứng nhận. Để đáp ứng yêu cầu về nguồn nguyên liệu bền vững và có chứng nhận, những doanh nghiệp sản xuất, chế biến các sản phẩm từ cây cao su cần phải có định hướng sản xuất và cung cấp cao su thiên nhiên và gỗ cao su theo các bộ tiêu chuẩn hiện hành. Nói một cách khác, chỉ khi rừng Cao su của Việt Nam được quản lý bền vững về kinh tế, môi trường, xã hội thì ngành Cao su mới có thể duy trì và phát triển được thị phần về mù và gỗ Cao su trên thị trường Quốc tế. Vì vậy việc thực hiện tốt phát triển bền vững thông qua các bộ tiêu chí về quản lý rừng bền vững để có thể xin cấp chứng chỉ công nhận sẽ tạo cơ hội lớn cho doanh nghiệp trong việc đảm bảo và nâng cao uy tín, năng lực cạnh tranh, thu hút khách hàng.

Theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 về việc phê duyệt Đề án Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng, đòi hỏi công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng phải thay đổi theo yêu cầu mới, phù hợp với thông lệ quốc tế, nâng cao giá trị tổng hợp và góp phần bảo vệ môi trường sinh thái. Quản lý rừng bền vững (QLRBV) đã trở thành yêu cầu và là nguyên tắc bắt buộc đối với quản lý kinh doanh rừng đồng thời cũng là một tiêu chuẩn mà quản lý và kinh doanh rừng phải đạt được.

Xuất phát từ yêu cầu thực tế nêu trên để các sản phẩm từ gỗ và mùn cao su nâng cao được giá trị thương hiệu sản phẩm cũng như thương hiệu của doanh nghiệp, dễ dàng xâm nhập được vào các thị trường có đòi hỏi cao về nguồn gốc của nguyên liệu, công nghệ sản xuất thì việc xây dựng một Phương án quản lý rừng bền vững và xin cấp chứng chỉ rừng Quốc gia VFCS theo Bộ tiêu chuẩn Quản lý rừng bền vững của PEFC là điều cần thiết và đúng theo định hướng của Nhà nước, chủ trương của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, đồng thời tạo lập giá trị sản phẩm cũng như khẳng định thương hiệu đối với thị trường cao su trong và ngoài nước. Nghiên cứu đánh giá đa dạng sinh học tại Công ty TNHH MTV Cao Su Lộc Ninh là cơ sở để hoàn thiện hồ sơ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và xin cấp chứng chỉ rừng Quốc gia VFCS theo Bộ tiêu chuẩn Quản lý rừng bền vững của PEFC.

PHẦN II. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Nội dung nghiên cứu

- Điều tra thực địa các nhóm động vật và thực vật sau:
 - + Điều tra thực vật rừng (thực vật bậc cao)
 - + Điều tra động vật có vú (thú)
 - + Điều tra chim
 - + Điều tra bò sát - lưỡng cư
 - + Điều tra côn trùng (bướm và bọ cánh cứng)
- Đánh giá tình trạng bảo tồn các loài động, thực vật.

2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi không gian: Nghiên cứu đánh giá về đa dạng sinh học được thực hiện trên phần diện tích xây dựng QLRBV và Hồ sơ xin cấp chứng chỉ rừng Quốc gia VFCS theo Bộ tiêu chuẩn Quản lý rừng bền vững của PEFC bao gồm 12.340,62 ha rừng và đất rừng thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Cao Su Lộc Ninh.

- Phạm vi thời gian: Nghiên cứu đánh giá được thực hiện trong năm 2020

- Nghiên cứu đánh giá đa dạng sinh học tại Công ty TNHH MTV Cao Su Lộc Ninh giới hạn ở đánh giá thực vật rừng (thực vật bậc cao); động vật có vú (thú); nhóm chim; nhóm lưỡng cư, bò sát; côn trùng.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp điều tra thực vật bậc cao

Quy trình khảo sát, thu mẫu, định danh và xử lý mẫu vật được tiến hành và tuân thủ theo các quy tắc, hướng dẫn của Vườn thực vật hoàng gia Kew (Bridson & Forman, 1999: *The Herbarium Handbook - Third Edition*).

Thu thập mẫu vật: Hầu hết các ghi nhận tại hiện trường sẽ được định loại trực tiếp, tuy nhiên sẽ tiến hành thu mẫu trong trường hợp ghi nhận loài chưa thể định loại ở hiện trường, các loài này sẽ lựa chọn 3-5 mẫu, chủ yếu thu thập mẫu có bộ phận sinh sản để phục vụ định danh loài. Sau đó, xếp trên 4-5 tờ giấy khác nhau vừa để tạo độ cách giữa các mẫu vật, vừa có đủ khả năng hút ẩm và đồng thời tránh các cành của mẫu vật không in vết lên trên mẫu vật khác. Trong trường hợp thu thập mẫu vật trong thời gian dài không có điều kiện sấy khô thì sẽ lưu trữ mẫu vật tạm thời bằng cồn 70%. Xử lý và làm tiêu bản khô: Xếp tiêu bản thực vật bậc cao lên một cặp gỗ với số lượng mẫu vừa đủ, buộc chặt dây và đưa sấy khô bằng tủ sấy ở nhiệt độ 40-50°C.

Ghi chép thực địa: Trên thực địa các mẫu vật được đeo nhãn định danh tạm thời (etiket) có mã số và xử lý ban đầu bằng cách ép bảo với kẹp chuyên dụng và sau đó ngâm vào cồn 70%. Nhãn ghi chép là một mảnh giấy bìa cứng không tan trong cồn kích thước 6x3 cm, có chỉ buộc. Nội dung trên nhãn gồm số hiệu mẫu, ngày thu mẫu, người thu mẫu. Các đặc điểm thực vật học được ghi chép vào sổ tay bằng bút chì và chụp ảnh chi tiết.

Định danh: Việc định danh mẫu vật được thực hiện bởi các chuyên gia của Viện Nghiên cứu và Phát triển Lâm nghiệp Nhiệt đới, sử dụng nguồn tư liệu thực vật học tại thư viện chuyên ngành. Trong đó, các bộ sách tiêu chuẩn để định danh thực vật bậc cao được sử dụng bao gồm: *Flore Générale de l'Indochine*; *Flore du Cambodge, du Laos et du Vietnam*; *Cây cỏ Việt Nam*; *Flora of China*; *Flora Malesiana* và *Flora of Thailand*.

3.2. Phương pháp điều tra nhóm thú

Các phương pháp được sử dụng gồm: phỏng vấn người dân địa phương; Điều tra theo tuyến để trực tiếp quan sát hoặc các dấu vết hoạt động của chúng; khảo sát tại các hồ nước, điểm khoáng; khảo sát dọc các đường mòn, ven sông, suối để quan sát trực tiếp hoặc các dấu vết hoạt động của chúng như (vết phân, chân, tiếng kêu, nơi nằm nghỉ); khảo sát ban đêm bằng đèn pin. Kết hợp đặt một số máy bẫy ảnh để điều tra các loài thú hoạt động ở mặt đất. Ngoài ra sử dụng lưới mờ để bắt các loài dơi. Các loài thú sau khi định loại sẽ được thả trở lại rừng.

Danh lục thú được lập dựa trên các tài liệu mới nhất về các loài động vật trên thế giới và Việt Nam gồm: *Mammal species of the World: A Taxonomic and Geographic Reference-3rd ed* (Wilson & Reeder, 2005); *An Identification Guide to the Rodents of Vietnam* (Lunde & Nguyen Truong Son, 2005), *A Guides to the Mammals of Southeast Asia* (Francis, 2008); *Preliminary identification manual for mammals of South Vietnam* (Van Peenen et al., 1969); *Mammals of Thailand* (Lekagul & McNeely, 1988); *Bats of Vietnam and adjacent territories: An identification manual* (Borissenko & Kruskop, 2003); *Nhận dạng một số loài dơi ở Việt Nam* (Nguyễn Trường Sơn và Vũ Đình Thống, 2006).

3.3. Phương pháp điều tra nhóm chim

Điều tra theo tuyến nhằm ghi nhận trực tiếp các loài chim được tiến hành cả ngày và đêm, thời gian từ 5h30 đến 18h00 ban ngày và từ 19h30 đến 22h30 ban đêm để điều tra các loài chim kiếm ăn ban đêm (chủ yếu là các loài cú). Các loài chim được nhận diện thông qua tiếng kêu và quan sát trực tiếp. Ngoài ra chúng tôi cũng sử dụng lưới mờ để nghiên cứu các loài chim bụi với tập tính di chuyển nhanh, liên tục và khó phát hiện.

Ống nhòm được sử dụng để quan sát các loài ở tầm xa như các loài chim ăn thịt, máy bẫy ảnh cũng được sử dụng để điều tra các loài chim hoạt động và kiếm ăn trên mặt đất.

Các tài liệu chính được dùng cho định danh các loài chim gồm: *Chim Việt Nam* (Nguyễn Cử và cs., 2000); *Giới thiệu một số loài chim Việt Nam* (Lê Mạnh Hùng, 2012); *A*

Guide to the Birds of Southeast Asia (Robson, 2010). Tên loài và hệ thống phân loại theo Nguyễn Cừ và cs. (2000), BirdLife Data Zone (2020).

3.4. Phương pháp điều tra nhóm bò sát - lưỡng cư

Điều tra dọc đường mòn, ven suối tập trung vào các vũng nước, vách đá. Quan sát trực tiếp hoặc thu bắt mẫu. Điều tra cả ban ngày và ban đêm. Mẫu vật được thu thập chủ yếu bằng tay, hoặc gậy chuyên dụng với các loài rắn độc. Với các loài thông thường, sẽ tiến hành thả lại sau khi định loại. Đối với loài chưa thể định loại sẽ tiến hành thu mẫu, định hình trong cồn 70⁰ để phục vụ định loại sau.

Sử dụng các tài liệu sau để định danh loài: *A field guide to the snake of South Vietnam* (Campden-Main, 1970); *Amphibians and Reptiles of Mount Kinabalu (North Borneo)* (Malkmus et al., 2002); *A field guide to the Reptiles of Thailand and South-East Asia* (Das, 2010) và các khóa định loại ếch nhái, thằn lằn, rắn và rùa (Đào Văn Tiến, 1977, 1978, 1979, 1981, 1982). Tên loài và hệ thống phân loại theo Uetz *et al.* (2019) và Frost (2019). Tên tiếng Việt theo Nguyen *et al.* (2009).

3.5. Phương pháp điều tra nhóm côn trùng

Mẫu côn trùng chủ yếu được thu thập bằng vợt tay, bẫy treo và bẫy đèn. Các tài liệu dùng để định danh gồm: *Butterflies of Thailand* (Ek-Amnuay, 2012); *Butterflies of Vietnam* (Monastyrskii, 2003-2011); *A Check list of Butterflies in Indo-China* (Inayoshi, 1996-2014); *How to know the insects* (Bland & Jaques, 1978); *Beetles of Thailand* (Ek-Amnuay, 2008); *Danh lục bằng hình ảnh các loài chuồn chuồn Phú Quốc* (Bùi Hữu Mạnh, 2007); *Dragonflies of Penusular Malaysia and Singapore* (Orr, 2005).

3.6. Đánh giá tình trạng bảo tồn các loài động, thực vật

Để đánh giá tình trạng bảo tồn các loài động, thực vật tại Công ty Lộc Ninh, chúng tôi kiểm tra cập nhật tình trạng theo Danh lục Đỏ của Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên Thế giới (IUCN, 2020). Kiểm tra tình trạng đe dọa các loài trong Sách Đỏ Việt Nam (2007); Nghị định số 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ: Về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; Nghị định số 64/2019/NĐ-CP về Sửa đổi Điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ.

PHẦN III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Kết quả điều tra thực vật bậc cao

Kết quả nghiên cứu tại khu vực lâm phân thuộc Công ty Lộc Ninh cho thấy, có 43 loài thực vật thuộc 18 họ, 38 giống. Xét về đa dạng loài thực vật thì Họ Cúc (Asteraceae) được đánh giá là họ có đa dạng thành phần loài cao nhất với 10 loài thực vật (chiếm 23,7 % tổng số loài thực vật tại Công ty Lộc Ninh), các loài thực vật điển hình trong họ này gồm Cứt lợn hoa trắng *Ageratum conyzoides*, Cứt lợn hoa đỏ *Ageratum houstonianum*, Ngải cứu *Artemisia vulgaris*, Tàu bay lá xẻ *Crassocephalum crepidioides*, Tàu bay *Dichrocephala integrifolia*, ... Tiếp theo là họ Hoà thảo (Poaceae) với 09 loài (chiếm 20,9% tổng số loài thực vật tại Công ty Lộc Ninh), điển hình có các loài như Lá lốt *Piper lolot*, Cỏ may *Chrysopogon aciculatus*, Cỏ tranh *Imperata cylindrica*, Chè vè *Misanthus floridulus*, Cỏ lá tre *Panicum sarmentosum*, ...

Xét về đa dạng chi thực vật thì họ Hoà thảo (Poaceae) và họ Cúc (Asteraceae) là hai họ có nhiều chi nhất với 09 chi thực vật (chiếm 23,7 % tổng số chi thực vật tại Công ty Lộc Ninh), điển hình có các chi *Chrysopogon*, *Imperata*, *Misanthus*, *Panicum*, ... thuộc họ Hoà thảo và các chi *Eclipta*, *Elephantopus*, *Erechtites*, *Eupatorium*, ... thuộc họ Cúc. Các họ khác chỉ có từ 01 đến 02 chi và tương ứng với 01 đến 02 loài ở mỗi họ.

Bảng 3.1. Đa dạng các họ thực vật bậc cao tại Công ty Lộc Ninh

STT	Họ		Số giống	Số loài
	Tên Việt Nam	Tên khoa học		
1	Họ Hoa mõm sói	Scrophulariaceae	1	1
2	Họ Cà	Solanaceae	2	2
3	Họ Ngũ gia bì	Araliaceae	2	2
4	Họ Rau dền	Amaranthaceae	2	2
5	Họ Cam	Rutaceae	1	1
6	Họ Trúc đào	Apocynaceae	1	1
7	Họ Cúc	Asteraceae	9	10
8	Họ Cải	Brassicaceae	1	1
9	Họ Trinh nữ	Mimosaceae	1	1
10	Họ Thị	Ebenaceae	1	2
11	Họ Cỏ roi ngựa	Verbenaceae	1	2
12	Họ Mua	Melastomaceae	1	2
13	Họ Sim	Myrtaceae	1	1

STT	Họ		Số giống	Số loài
	Tên Việt Nam	Tên khoa học		
14	Họ Dâu tằm	Moraceae	1	2
15	Họ Mã đề	Plantaginaceae	1	1
16	Họ Hồ tiêu	Piperaceae	1	1
17	Họ Hòa thảo	Poaceae	9	9
18	Họ Gừng	Zingiberaceae	2	2
Tổng			38	43

Có 08 họ (chiếm 44,4 % tổng số họ thực vật tại Công ty Lộc Ninh) là họ đơn loài thực vật như các họ Cải (Brassicaceae) chỉ có duy nhất loài Cải rừng *Rorippa dubia*, họ Trúc đào (Apocynaceae) chỉ có loài Ớt rừng *Tabernaemontana borina* (danh mục loài chi tiết xem tại phụ lục I).

Nhận xét: Nhìn chung hệ thực vật tại Công ty Lộc Ninh khá đơn giản về thành phần loài cũng như các chi thực vật, qua kết quả nghiên cứu không ghi nhận các loài thực vật không có giá trị bảo tồn cao, cụ thể không có loài nào được xếp hạng trong Danh lục Đỏ IUCN 2020, không có loài được xếp trong Sách Đỏ Việt Nam 2007, không có loài nào có tên trong phụ lục I, II của Nghị định 06/2019, không có loài nào được liệt kê trong Danh mục thực vật nguy cấp, quý hiếm tại Nghị định 64/2019.

2. Kết quả điều tra khu hệ động vật có xương sống

2.1. Đa dạng khu hệ thú

Có 10 loài động vật có vú thuộc 7 họ, 9 giống khác nhau được ghi nhận qua nghiên cứu này tại Công ty Lộc Ninh (danh mục loài chi tiết xem tại phụ lục II).

Bảng 3.2. Đa dạng các họ động vật có vú tại Công ty Lộc Ninh

STT	Họ		Số giống	Số loài
	Tên Việt Nam	Tên Khoa học		
1	Họ Đồi	Tupaiidae	1	1
2	Họ Dơi lá mũi	Rhinolopidae	1	1
3	Họ Dơi nếp mũi	Hipposideridae	1	1
4	Họ Dơi muỗi	Vespertilionidae	1	1
5	Họ Chồn	Mustelidae	2	2
6	Họ Sóc	Sciuridae	1	1
7	Họ Chuột	Muridae	2	3
Tổng			9	10

Xét theo tính đa dạng thành phần loài thì họ Chuột (Muridae) có tính đa dạng loài cao nhất với 03 loài (chiếm 30 % tổng số loài thú tại Công ty Lộc Ninh) điển hình có các loài như Chuột nhắt *Mus musculus*, Chuột hươu bé *Rattus fulvescens*, Chuột nhà *Rattus flavipectus*; tiếp theo là họ Chồn (Mustelidae) với 02 loài (chiếm 20 % tổng số loài thú tại Công ty Lộc Ninh), các loài điển hình trong họ này như Chồn vàng *Martes flavigula*, Chồn bạc má nam *Melogale personata*.

Xét theo tính đa dạng thành phần các giống thú thì họ Chuột (Muridae) và họ Chồn (Mustelidae) có tính đa dạng giống cao nhất với 2 giống thú mỗi loài (chiếm 22,2 % tổng số giống thú tại Công ty Lộc Ninh). Các họ như họ Đồi (Tupaiaidae), họ Lợn (Suidae), họ Dơi lá mũi (Rhinolopidae), họ Dơi nếp mũi (Hipposideridae), họ Dơi muỗi (Vespertilionidae) và họ Sóc (Sciuridae) chỉ có duy nhất 01 giống, 01 loài ở mỗi họ.

Nhận xét: Các loài thú ở Công ty Lộc Ninh là những loài thú phổ biến, dễ bắt gặp và phân bố khá đồng đều trong lâm phần của công ty. Kết quả nghiên cứu cho thấy các loài thú không có giá trị bảo tồn cao, cụ thể không có loài nào được xếp hạng đe dọa trong Danh lục Đỏ IUCN 2020, không có loài được xếp trong Sách Đỏ Việt Nam 2007, không có loài nào có tên trong phụ lục I, II của Nghị định 06/2019, không có loài nào được liệt kê trong Danh mục động vật nguy cấp, quý hiếm tại Nghị định 64/2019.

2.2. Đa dạng khu hệ chim

Có 33 loài chim thuộc 23 giống, 20 họ được ghi nhận tại Công ty Lộc Ninh (Danh mục loài chi tiết xem tại phụ lục III).

Bảng 3.3. Đa dạng các họ chim tại Công ty Lộc Ninh

STT	Họ		Số giống	Số loài
	Tên Việt Nam	Tên khoa học		
1	Họ Trĩ	Phasianidae	1	1
2	Họ Bồ câu	Columbidae	1	1
3	Họ Cu cu	Cuculidae	2	4
4	Họ Diệc	Ardeidae	1	2
5	Họ Cú lợn	Tytonidae	1	1
6	Họ Cú mèo	Strigidae	1	1
7	Họ Trâu	Meropidae	1	1
8	Họ Chèo bẻo	Dicruridae	2	4
9	Họ Bách thanh	Laniidae	1	2
10	Họ Quạ	Corvidae	1	1
11	Họ Bạc má	Paridae	1	1
12	Họ Chim sâu	Dicacidae	1	2

STT	Họ		Số giống	Số loài
	Tên Việt Nam	Tên khoa học		
13	Họ Chim chích	Sylviidae	1	1
14	Họ Chích chòe	Turdidae	1	1
15	Họ Chào mào	Pycnonotidae	1	1
16	Họ Chim di	Estrildidae	2	2
17	Họ Sáo	Sturnidae	1	2
18	Họ Hút mật	Nectariniidae	1	2
19	Họ Sẻ	Passeridae	1	1
20	Họ Chia vôi	Motacillidae	1	2
	Tổng		23	33

Nhìn bảng 3.3 ta thấy, họ Cu cu (Cuculidae) là họ có đa dạng thành phần loài nhất với tổng số 04 loài (chiếm 12,1 % tổng số loài chim tại Công ty Lộc Ninh), họ này gồm các loài điển hình như Bìm bịp lớn *Centropus sinensis*, Tím vệt *Cacomantis merulinus*, Bât cô trói cột *Cuculus Micropterus*, Cu cu *Cuculus canorus*. Tiếp theo là họ Diệc (Ardeidae), họ Bách thanh (Laniidae), họ Chim sâu (Dicacidae), họ Chim di (Estrildidae), họ Sáo (Sturnidae), họ Hút mật (Nectariniidae), họ Chia Vôi (Motacillidae) đều có 02 loài (chiếm 6,1% tổng số loài chim). Xét theo tính đa dạng giống thì họ Cu cu (Cuculidae), họ Chèo bẻo (Dicuridae) và họ Chim di (Estrildidae) là họ có đa dạng thành phần giống nhất với 02 giống mỗi họ (8,7 % tổng số giống chim tại Công ty Lộc Ninh).

Có 11 họ (chiếm 33,3 % tổng số họ chim tại Công ty Lộc Ninh) chỉ có duy nhất 01 giống và 01 loài (chi tiết xem phụ lục III).

Nhận xét: Các loài chim ở Công ty Lộc Ninh là những loài khá phổ biến, dễ bắt gặp và phân bố khá đồng đều trong lâm phận của công ty cả ở phần rừng trồng. Kết quả nghiên cứu cho thấy các loài chim không có giá trị bảo tồn cao, cụ thể không có loài nào được xếp hạng trong Danh lục Đỏ IUCN 2020, không có loài được xếp trong Sách Đỏ Việt Nam 2007, không có loài nào có tên trong phụ lục I, II của Nghị định 06/2019, không có loài nào được liệt kê trong Danh mục động nguy cấp, quý hiếm tại Nghị định 64/2019.

2.3. Đa dạng khu hệ bò sát-lưỡng cư

2.3.1. Đa dạng các loài bò sát

Có 8 loài bò sát thuộc 6 giống và 5 họ phân bố tại Công ty Lộc Ninh (Danh mục loài chi tiết xem tại phụ lục IV)

Bảng 3.4. Đa dạng các họ bò sát tại Công ty Lộc Ninh

STT	Họ		Số giống	Số loài
	Tên Việt Nam	Tên Khoa học		
1	Họ Tắc kè	Gekkonidae	1	1
2	Họ Nhông	Agamidae	1	1
3	Họ Thằn lằn bóng	Scincidae	1	1
4	Họ Rắn nước	Colubridae	1	2
5	Họ Rắn lục	Viperidae	2	3
Tổng			6	8

Họ Rắn lục (Viperidae) là họ có nhiều loài và giống nhất, với 03 loài (chiếm 37,5 % tổng số loài bò sát tại Công ty Lộc Ninh), và 02 giống (chiếm 33,3 % tổng số giống bò sát tại Công ty Lộc Ninh), điển hình với các loài như Rắn lục mép trắng *Trimeresurus albolabris*, Rắn lục miền nam *Trimeresurus popeiorum*, Rắn lục xanh *Trimeresurus stejnegeri*. Tiếp theo là họ Rắn nước (Colubridae) 02 loài (chiếm 25 % tổng số loài bò sát tại Công ty Lộc Ninh).

Nhận xét: Các loài bò sát ở Công ty Lộc Ninh là những loài khá phổ biến, dễ bắt gặp và phân bố khá đồng đều trong lâm phận của công ty. Không có loài nào được xếp hạng trong Danh lục Đỏ IUCN 2020, không có loài được xếp trong Sách Đỏ Việt Nam 2007, không có loài nào được có tên trong phụ lục I và II của Nghị định 06/2019, không có loài nào được liệt kê trong Danh mục động vật nguy cấp, quý hiếm tại Nghị định 64/2019.

2.3.2. Đa dạng các loài lưỡng cư

Có 03 loài lưỡng cư thuộc 03 giống và 02 họ được ghi nhận tại Công ty Lộc Ninh (Danh mục loài chi tiết xem tại phụ lục V).

Bảng 3.5. Đa dạng các họ lưỡng cư tại Công ty Lộc Ninh

STT	Họ		Số giống	Số loài
	Tên Việt Nam	Tên khoa học		
1	Họ Cóc	Bufonidae	1	1
2	Họ Ếch nhái	Rannidae	2	2
Tổng			3	3

Họ Ếch nhái (Rannidae) là họ có đa dạng thành phần loài và giống cao nhất, với 02 loài (chiếm 66,67 % tổng số loài lưỡng cư tại Công ty Lộc Ninh), và 02 giống (chiếm 66,67 % tổng số giống lưỡng cư tại Công ty Lộc Ninh) với các loài đại diện như Nghê *Hoplobatrachus rugulosus* và Châu chuộc *Sylvirana guentheri*. Họ còn lại là họ Cóc

(Bufonidae) chỉ có duy nhất 01 giống và 01 loài ở mỗi họ, với đại diện là Cóc nhà *Duttaphrynus melanostictus*.

Nhận xét: Các loài lưỡng cư ở Công ty Lộc Ninh là những loài khá phổ biến, dễ bắt gặp và phân bố khá đồng đều trong lâm phận của công ty, chủ yếu bắt gặp ở ven suối, ven các vũng nước, ven các con đường nhựa và đường mòn ở rừng trồng. Kết quả nghiên cứu cho thấy các loài lưỡng cư không có giá trị bảo tồn cao, cụ thể không có loài nào được xếp hạng trong Danh lục Đỏ IUCN 2020, không có loài được xếp trong Sách Đỏ Việt Nam 2007, không có loài nào có tên trong phụ lục I, II của Nghị định 06/2019, không có loài nào được liệt kê trong Danh mục động vật nguy cấp, quý hiếm tại Nghị định 64/2019.

2.4 Kết quả điều tra côn trùng

Có 20 loài côn trùng thuộc 14 họ và 18 giống được ghi nhận tại Công ty Lộc Ninh (xem bảng 5.7). Xét theo tính đa dạng loài thì có 06 họ có 02 loài ở mỗi họ, còn lại 08 họ chỉ ghi nhận được duy nhất 01 loài như họ Bọ xít ăn sâu (Reduviidae) chỉ có duy nhất loài *Acanthaspis ruficeps*, họ Bọ xít mép (Coreidae) chỉ có duy nhất loài *Mictis tenebrosa*, họ Họ Dế mèn (Gryllidae) chỉ có duy nhất loài *Teleogryllus mitratus*, Xét theo tính đa dạng thành phần giống thì chỉ có 04 họ có 02 giống, còn lại 10 họ chỉ có duy nhất 01 giống như họ Bọ hung (Scarabaeidae) chỉ có duy nhất giống *Anomala*, ... (Danh mục loài chi tiết tại phụ lục VI).

Bảng 3.6. Đa dạng các họ côn trùng tại Công ty Lộc Ninh

STT	Họ		Số giống	Số loài
	Tên Việt Nam	Tên khoa học		
1	Họ Bọ hung	Scarabaeidae	1	1
2	Họ Kẹp kim	Lucanidae	2	2
3	Họ Cerambycidae	Cerambycidae	1	1
4	Họ Bướm xanh	Lycaenidae	1	2
5	Họ Chuồn chuồn	Euphaeidae	1	2
6	Họ Bọ ngựa thường	Mantiidae	1	1
7	Họ Ve sầu	Cicalidae	2	2
8	Họ Ve sầu sừng	Fulgoridae	1	1
9	Họ Bọ xít ăn sâu	Reduviidae	1	1
10	Họ Bọ xít mép	Coreidae	1	1
11	Họ Dế mèn	Gryllidae	1	1
12	Họ Châu chấu	Acrididae	2	2

STT	Họ		Số giống	Số loài
	Tên Việt Nam	Tên khoa học		
13	Họ Sát sành	Tettigoniidae	2	2
14	Họ Ruồi trâu	Tabanidae	1	1
	Tổng		18	20

Nhận xét: Các loài côn trùng ở Công ty Lộc Ninh là những loài rất phổ biến, dễ bắt gặp và phân bố đồng đều trong lâm phận của công ty cả ở phần rừng trồng và vùng canh tác nông nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy các loài côn trùng này không có giá trị bảo tồn cao, cụ thể không có loài nào được xếp hạng trong Danh lục Đỏ IUCN 2020, không có loài được xếp trong Sách Đỏ Việt Nam 2007, không có loài nào có tên trong phụ lục I, II của Nghị định 06/2019, không có loài nào được liệt kê trong Danh mục động vật nguy cấp, quý hiếm tại Nghị định 64/2019.

PHẦN IV. KẾT LUẬN

1. Thành phần loài thực vật bậc cao

Có 43 loài thực vật thuộc 18 họ và 38 giống, được ghi nhận tại Công ty Lộc Ninh. Họ Cúc (*Asteraceae*) có đa dạng thành phần loài cao nhất với 14 loài.

2. Thành phần loài khu hệ động vật có xương sống:

- Động vật có vú: 10 loài thú thuộc 07 họ và 09 giống;
- Chim: 33 loài chim thuộc 20 họ và 23 giống;
- Bò sát: 08 loài bò sát thuộc 05 họ và 06 giống;
- Lưỡng cư: 03 loài thuộc 02 họ và 03 giống.

3. Thành phần các loài côn trùng:

Có 20 loài côn trùng thuộc 14 họ và 18 giống được ghi nhận tại Công ty Lộc Ninh.

4. Tình trạng bảo tồn các loài động, thực vật:

Qua điều tra rà soát, không có loài thực vật bậc cao, động vật có xương sống, côn trùng nào ghi nhận tại Công Ty TNHH MTV Cao Su Lộc Ninh có tên trong Danh lục Đỏ IUCN 2020, Sách Đỏ Việt Nam 2007; không có loài nào được liệt kê trong phụ lục I, II của Nghị định 06/2019 và không có loài nào được ghi nhận trong Danh mục động thực vật nguy cấp, quý hiếm tại Nghị định 64/2019.

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN
LÂM NGHIỆP NHIỆT ĐỚI



Dương Liên Đức

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aubréville, A., B. Tardieu, J.-F. Leroy & P. Morat, 1960. *Flore du Cambodge, du Laos et du Vietnam*. Muséum national d'histoire naturelle, Paris.
2. Baltzer, M. C., Nguyen Thi Dao & R.G. Shore, editors. 2001. *Towards a Vision for Biodiversity Conservation in the Forests of the Lower Mekong Ecoregion Complex*. WWF Indochina/WWF US, Hanoi and Washington D.C.
3. Bhushan, B., Fry, G., Hibi, A., Mundkur, T., Prawiradilaga, D.M., Sonobe, K. and Usui, S. (1993) *A field guide to the waterbirds of Asia*. Tokyo: Wild Bird Society of Japan.
4. Bibby, C., Jones, M. and Marsden, S. (1998) *Expedition Field Techniques: bird surveys*. London: Expedition Advisory Centre.
5. Bộ Khoa học và Công nghệ. 2007. *Sách Đỏ Việt Nam*, phần I. Thực vật. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
6. Bộ Khoa học và Công nghệ. 2007. *Sách Đỏ Việt Nam*, phần II. Động vật. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
7. Borissenko, A. V. & S. V. Kruskop. 2003. *Bats of Vietnam and adjacent territories: An identification manual*. Joint Russian-Vietnamese: Science and Technological Tropical Centre.
8. Bouret R. 1939. "Notes herpétologique sur l'Indochine française, Annexe au bulletin", Général de l'Instruction Publique, (4), Décembre, pp. 41-80.
9. Bouret R. 1941. *Les Tortues de l'Indochine*, L'Institut Océanographique de l'Indochine, Hanoi, 44 pp.
10. Bourret R. 1935. *Comment déterminer un serpent d'Indochine*, Trung Bac – Tan Van, Hanoi, 28pp.
11. Bourret R. 1938. "Les serpents vinimeux en Indochine", Annexe au bulletin Général de l'Instruction Publique, (9), Mai, pp. 5-21.
12. Bourret, R. 1936. "Les serpents de l'Indochine (Tom II Catalogue systématique descriptif)", Imprimerie Henry Basuyau et Cie, Toulouse, 505 pp.
13. Bùi Hữu Mạnh. 2007. *Danh lục bằng hình ảnh các loài chuẩn chuẩn Phú Quốc*. 47 tr. Wildlife At Risk.
14. Campden-Main, S. M. 1970. *A field guide to the Snakes of South Vietnam*. Divisions of Reptile and Amphibian, U.S Natural Museum, Smithsonian Institution Washington, D.C.
15. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2019), Nghị định số 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. Hà Nội ngày 22 tháng 01 năm 2019.
16. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2019), Nghị định số 64/2019/NĐ-CP về Sửa đổi Điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về

tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ. Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2019.

17. Craig Robson (2008) *A field guide to the birds of south-east Asia*. New Holland Publishers.

18. Dang Ngoc Can, H.Endo, Nguyen Truong Son, T.Oshida, Le Xuan Canh, Dang Huy Phuong, D. P. Lunde, S.I. Kawada, A. Hayashida & M. Sasaki. 2008. *Checklist of Wild Mammal Species of Vietnam*, Hanoi.

19. Đào Văn Tiến. 1977. *Về định loại ếch nhái Việt Nam*. Tạp chí sinh vật địa học 2: 33-40.

20. Đào Văn Tiến. 1978. *Về định loại ếch nhái, bò sát Việt Nam*. Tạp chí sinh học: 1-6

21. Đào Văn Tiến. 1979. *Về định loại thằn lằn Việt Nam*. Tạp chí sinh vật học 1: 2-10.

22. Đào Văn Tiến. 1981. *Về định khoá loại rắn Việt Nam (phần 1)*, Tạp chí Sinh vật-Địa học, Hà Nội. 3(4), tr. 1-6.

23. Đào Văn Tiến. 1982. *Về định khoá loại rắn Việt Nam (phần 2)*, Tạp chí Sinh vật-Địa học, Hà Nội. 4(5), tr. 5-9.

24. Das, I. 2010. *A Field Guide to the Reptiles of South-East Asia*. New Holland Publishers Ltd.

25. Frost, D.R. 2019. Amphibian Species of the World 6.0, an Online Reference. <http://research.amnh.org/>. Downloaded on 10th November 2019. .American Museum of Natural History, USA.

26. Hoang Xuan Thuy and Robertson, S. I. (2004) Rangers' handbook: Small carnivores in Vietnam.[So tay kiem lam: Thu an thit nho o Viet Nam]. Hanoi, Vietnam: Owston Palm Civets Program, Cuc Phuong National Park.

27. IUCN. 2020. The IUCN Red List of Threatened Species, Version (2019.2), <http://www.iucnredlist.org>. Downloaded on 10th July 2020.

28. J.Cox, M., Van Dijk, P. P., Nabhitabhata, J., Thirakhupt, K. (2000) A photographic guide to snakes and other reptiles of Thailand and South-East Asia. Asian Book Co., LTD.

29. Nguyễn Cử, Lê Trọng Trái & Phillipps K. 2000. *Chim Việt Nam*. NXB Lao động xã hội. Hà Nội (tái bản 2005).

30. Nguyễn Tiến Ban (chủ biên), 2000-nay. *Thực vật chí Việt Nam*. Tập 1-11. NXB Khoa học và Công nghệ, Hà Nội.

31. Nguyễn Trường Sơn & Vũ Đình Thống. 2006. *Nhận dạng một số loài dơi ở Việt Nam*. NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.

32. Nguyen, S.V., Ho, C. T., & Nguyen, T.Q. 2009. *Herpetofauna of Vietnam*, Edition Chimaira, Frankfurt am Main, 768 pp.

33. Orr, A. G. 2005. Dragonflies of Peninsular Malaysia and Singapore: A pocket guid. 138 pp. Natural History Publications (Borneo).

34. Phạm Hoàng Hộ. 1999-2000. *Cây cỏ Việt Nam*, 3 quyển. NXB Trẻ.

35. Pham Nhat, Le Trong Trai, Le Manh Hung, Nguyen Van Sang and Nguyen Quang Trung (2004) A field handbook to identify mammals, birds, reptiles and amphibians in Ba

Be-Na Hang. [So tay huong dan dinh loai thuc dia thu, chim, bo sat, ech nhai Ba Be-Na Hang]. Hanoi: PARC

36. Uetz, P. and Hošek, J. eds. 2020. The Reptile Database, <http://www.Reptiledatabase.org>. Downloaded on 10th July 20.

PHỤ LỤC I - DANH MỤC CÁC THỰC VẬT RỪNG CHỦ YẾU

Tên chủ rừng: CÔNG TY TNHH MTV CAO SU LỘC NINH

TT	Họ		Loài		Ghi chú
	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	
1	Họ Hoa mõm sói	Scrophulariaceae	Cam thảo nam	<i>Scoparia dulcis</i> L.	Nhiều
2	Họ Cà	Solanaceae	Cà hoang	<i>Solanum torvum</i> Swarts.	Nhiều
3	Họ Cà	Solanaceae	Tầm bóp	<i>Physalis angulata</i> L.	Nhiều
4	Họ Ngũ gia bì	Araliaceae	Rau má	<i>Centella asiatica</i> (L.) Urb.	Nhiều
5	Họ Ngũ gia bì	Araliaceae	Chân chim lá dày	<i>Schefflera</i> sp.	Nhiều
6	Họ Rau dền	Amaranthaceae	Cỏ xước	<i>Achyranthes aspera</i> L.	Nhiều
7	Họ Rau dền	Amaranthaceae	Dền gai	<i>Amaranthus spinosus</i> L.	Nhiều
8	Họ Cam	Rutaceae	Chanh ta	<i>Citrus aurantifolia</i> (Chritm.) Sw.	Trung bình
9	Họ Trúc đào	Apocynaceae	Ốt rừng	<i>Tabernaemontana borina</i> Lour.	Trung bình
10	Họ Cúc	Asteraceae	Cứt lợn hoa trắng	<i>Ageratum conyzoides</i> L.	Nhiều
11	Họ Cúc	Asteraceae	Cứt lợn hoa đỏ	<i>Ageratum houstonianum</i> Mill.	Nhiều
12	Họ Cúc	Asteraceae	Ngải cứu	<i>Artemisia vulgaris</i> L.	Nhiều
13	Họ Cúc	Asteraceae	Tàu bay lá xẻ	<i>Crassocephalum crepidioides</i> (Benth.) S. Moore	Nhiều
14	Họ Cúc	Asteraceae	Tàu bay	<i>Dichrocephala integrifolia</i> (L.f.) O. Ktze.	Nhiều
15	Họ Cúc	Asteraceae	Nhọ nôi	<i>Eclipta alba</i> L.	Nhiều
16	Họ Cúc	Asteraceae	Cúc chỉ thiên	<i>Elephantopus mollis</i> HBK.	Nhiều
17	Họ Cúc	Asteraceae	Hoàng thất	<i>Erechtites valerianifolia</i> (Volf.) DC.	Nhiều
18	Họ Cúc	Asteraceae	Cỏ lào	<i>Eupatorium odoratum</i> L.	Nhiều

TT	Họ		Loài		Ghi chú
	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	
19	Họ Cúc	Asteraceae	Bồ công anh răng	<i>Lactuca denticulata</i> Maxim.	Nhiều
20	Họ Cải	Brassicaceae	Cải rùng	<i>Rorippa dubia</i> (Pers.) Hara.	Trung bình
21	Họ Trinh nữ	Mimosaceae	Xấu hổ	<i>Mimosa invisa</i> Mart. et Colla.	Trung bình
22	Họ Thị	Ebenaceae	Nhọ nôi	<i>Diospyros eriantha</i> Champ.	Trung bình
23	Họ Thị	Ebenaceae	Váy ốc	<i>Diospyros cf. buxifolia</i> (BL.) Hieron.	Trung bình
24	Họ Cỏ roi ngựa	Verbenaceae	Xích đồng nam	<i>Clerodendrum paniculatum</i> L.	Trung bình
25	Họ Cỏ roi ngựa	Verbenaceae	Mò đỏ	<i>Clerodendrum kaemferi</i> (Jacq.) Sieb.	Trung bình
26	Họ Mua	Melastomaceae	Mua núi	<i>Melastoma sanguineum</i> Sims.	Trung bình
27	Họ Mua	Melastomaceae	Mua trắng	<i>M. septemnerium</i> (Lour.) Merr.	Trung bình
28	Họ Sim	Myrtaceae	Ổi	<i>Psidium guajava</i> L.	Trung bình
29	Họ Dâu tằm	Moraceae	Ngái	<i>Ficus hispida</i> L.	Trung bình
30	Họ Dâu tằm	Moraceae	Sung lá hẹp	<i>F. macilenta</i> King	Trung bình
31	Họ Mã đề	Plantaginaceae	Mã đề	<i>Plantago major</i> L.	Trung bình
32	Họ Hồ tiêu	Piperaceae	Lá lốt	<i>Piper lolot</i> C.DC.	Trung bình
33	Họ Hòa thảo	Poaceae	Cỏ may	<i>Chrysopogon aciculatus</i> (Retz.) Trin.	Trung bình
34	Họ Hòa thảo	Poaceae	Cỏ tranh	<i>Imperata cylindrica</i> (L.) Beauv.	Trung bình
35	Họ Hòa thảo	Poaceae	Chè vè	<i>Misanthus floridulus</i> (Labill.)	Trung bình
36	Họ Hòa thảo	Poaceae	Cỏ lá tre	<i>Panicum sarmentosum</i> Roxb.	Trung bình
37	Họ Hòa thảo	Poaceae	Cây sậy	<i>Phragmites communis</i> (L.) Trin.	Trung bình

TT	Họ		Loài		Ghi chú
	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	
38	Họ Hòa thảo	Poaceae	Lách	<i>Sacharum spontaneum</i> L.	Trung bình
39	Họ Hòa thảo	Poaceae	Cỏ ba cạnh	<i>Scleria levis</i> Retzius.	Nhiều
40	Họ Hòa thảo	Poaceae	Cỏ cau	<i>Setaria palmifolia</i> (Koen.) Stapf.	Trung bình
41	Họ Hòa thảo	Poaceae	Cỏ mật	<i>Sorghum nitidum</i> (Vahl.) Pers.	Nhiều
42	Họ Gừng	Zingiberaceae	Mía dò	<i>Costus speciosus</i> (Koenig.) Smith	Trung bình
43	Họ Gừng	Zingiberaceae	Nghệ dại	<i>Curcuma aeruginosa</i> Roxb.	Trung bình

PHỤ LỤC II - DANH MỤC CÁC LOÀI THÚ CHỦ YẾU

Tên chủ rừng: CÔNG TY TNHH MTV CAO SU LỘC NINH

TT	Họ		Loài		Ghi chú
	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	
1	Họ Đồi	Tupaiidae	Đồi	<i>Tupaia belangeri</i>	Nhiều
2	Họ Dơi lá mũi	Rhinolopidae	Dơi lá mũi nhỏ	<i>Rhinolophus pusillus</i>	Nhiều
3	Họ Dơi nếp mũi	Hipposideridae	Dơi nếp mũi ba lá	<i>Aselliscus stoliczkanus</i>	Trung bình
4	Họ Dơi muỗi	Vespertilionidae	Dơi cánh dài	<i>Miniopterus pusillus</i>	Trung bình
5	Họ Chồn	Mustelidae	Chồn vàng	<i>Martes flavigula</i>	Trung bình
6	Họ Chồn	Mustelidae	Chồn bạc má nam	<i>Melogale personata</i>	Nhiều
7	Họ Sóc	Sciuridae	Sóc bụng đỏ	<i>Callosciurus erythraeus</i>	Nhiều
8	Họ Chuột	Muridae	Chuột nhắt	<i>Mus musculus</i>	Nhiều
9	Họ Chuột	Muridae	Chuột hươu bé	<i>Rattus fulvescens</i>	Nhiều
10	Họ Chuột	Muridae	Chuột nhà	<i>Rattus flavipectus</i>	Nhiều

PHỤ LỤC III - DANH MỤC CÁC LOÀI CHIM CHỦ YẾU

Tên chủ rừng: CÔNG TY TNHH MTV CAO SU LỘC NINH

TT	Họ		Loài		Ghi chú
	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	
1	Họ Trĩ	Phasianidae	Gà rừng	<i>Gallus gallus</i>	Nhiều
2	Họ Bồ câu	Columbidae	Cu gáy	<i>Spilopelia chinensis</i>	Nhiều
3	Họ Cu cu	Cuculidae	Bìm bịp lớn	<i>Centropus sinensis</i>	Nhiều
4	Họ Cu cu	Cuculidae	Tìm vệt	<i>Cacomantis merulinus</i>	Trung bình
5	Họ Cu cu	Cuculidae	Bắt cô trói cột	<i>Cuculus micropterus</i>	Nhiều
6	Họ Cu cu	Cuculidae	Cu cu	<i>Cuculus canorus</i>	Trung bình
7	Họ Diệc	Ardeidae	Cò bợ	<i>Ardeola bacchus</i>	Nhiều
8	Họ Diệc	Ardeidae	Cò ruồi	<i>Bubulcus ibis</i>	Nhiều
9	Họ Cú lợn	Tytonidae	Cú lợn rừng	<i>Phodilus badius</i>	Ít
10	Họ Cú mèo	Strigidae	Cú mèo nhỏ	<i>Otus sunia</i>	Trung bình
11	Họ Trâu	Meropidae	Trâu ngực nâu	<i>Merops philippinus</i>	Trung bình
12	Họ Chèo bẻo	Dicruridae	Chèo bẻo đen	<i>Dicrurus macrocercus</i>	Trung bình
13	Họ Chèo bẻo	Dicruridae	Chèo bẻo xám	<i>Dicrurus leucophaeus</i>	Trung bình
14	Họ Chèo bẻo	Dicruridae	Chèo bẻo cò đuôi bằng	<i>Dicrurus remifer</i>	Trung bình
15	Họ Chèo bẻo	Dicruridae	Chèo bẻo cò đuôi chẻ	<i>Dicrurus paradiseus</i>	Nhiều
16	Họ Bách thanh	Laniidae	Bách thanh nhỏ	<i>Lanius collurioides</i>	Nhiều
17	Họ Bách thanh	Laniidae	Bách thanh	<i>Lanius schach</i>	Trung bình
18	Họ Quạ	Corvidae	Quạ đen	<i>Corvus macrorhynchos</i>	Nhiều

TT	Họ		Loài		Ghi chú
	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	
19	Họ Bạc má	Paridae	Bạc má	<i>Parus major</i>	Trung bình
20	Họ Chim chích	Sylviidae	Chích bông đuôi dài	<i>Orthotomus sutorius</i>	Trung bình
21	Họ Chào mào	Pycnonotidae	Chào mào	<i>Pycnonotus jocosus</i>	Trung bình
22	Họ Sáo	Sturnidae	Sáo nâu	<i>Acridotheres tristis</i>	Trung bình
23	Họ Sáo	Sturnidae	Sáo mỏ ngà	<i>Acridotheres cristatellus</i>	Trung bình
24	Họ Chích choè	Turdidae	Chích choè	<i>Copsychus saularis</i>	Trung bình
25	Họ Chim sâu	Dicacidae	Chim sâu vàng lục	<i>Dicaeum minullum</i>	Trung bình
26	Họ Chim sâu	Dicacidae	Chim sâu lưng đỏ	<i>Dicaeum cruentatum</i>	Nhiều
27	Họ Hút mật	Nectariniidae	Hút mật ngực đỏ	<i>Aethopyga saturata</i>	Nhiều
28	Họ Hút mật	Nectariniidae	Hút mật đuôi nhọn	<i>Aethopyga nipalensis</i>	Trung bình
29	Họ Chim di	Estrildidae	Di cam	<i>Lonchura striata</i>	Nhiều
30	Họ Chim di	Estrildidae	Di đá	<i>Lonchura punctulata</i>	Nhiều
31	Họ Sẻ	Passeridae	Sẻ nhà	<i>Passer montanus</i>	Nhiều
32	Họ Chìa vôi	Motacillidae	Chìa vôi vàng	<i>Motacilla tschutschensis</i>	Nhiều
33	Họ Chìa vôi	Motacillidae	Chìa vôi trắng	<i>Motacilla alba</i>	Nhiều

PHỤ LỤC IV - DANH MỤC CÁC LOÀI BÒ SÁT CHỦ YẾU

Tên chủ rừng: CÔNG TY TNHH MTV CAO SU LỘC NINH

TT	Họ		Loài		Ghi chú
	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	
1	Họ Tắc kè	Gekkonidae	Thạch thùng đuôi sần	<i>Hemidactylus frenatus</i>	Nhiều
2	Họ Nhông	Agamidae	Ô rô vảy	<i>Acanthosaura lepidogaster</i>	Nhiều
3	Họ Thần lằn bóng	Scincidae	Thần lằn bóng hoa	<i>Mabuya multifasciata</i>	Trung bình
4	Họ Rắn nước	Colubridae	Rắn roi thường	<i>Ahaetulla prasina</i>	Trung bình
5	Họ Rắn nước	Colubridae	Rắn leo cây thường	<i>Dendrelaphis pictus</i>	Trung bình
6	Họ Rắn lục	Viperidae	Rắn lục mép trắng	<i>Trimeresurus albolabris</i>	Trung bình
7	Họ Rắn lục	Viperidae	Rắn lục miền nam	<i>Trimeresurus popeiorum</i>	Trung bình
8	Họ Rắn lục	Viperidae	Rắn lục xanh	<i>Trimeresurus stejnegeri</i>	Trung bình

PHỤ LỤC V - DANH MỤC CÁC LOÀI LƯỠNG CƯ CHỦ YẾU

Tên chủ rừng: CÔNG TY TNHH MTV CAO SU LỘC NINH

TT	Họ		Loài		Ghi chú
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Tên khoa học	
1	Họ Cóc	Bufo	Cóc nhà	<i>Duttaphrynus melanostictus</i>	Nhiều
2	HọẾch nhái	Rana	Ngóe	<i>Hoplobatrachus rugulosus</i>	Nhiều
3	HọẾch nhái	Rana	Chẫu chuộc	<i>Sylvirana guentheri</i>	Nhiều

PHỤ LỤC VI - DANH MỤC CÁC LOÀI CÔN TRÙNG CHỦ YẾU

Tên chủ rừng: CÔNG TY TNHH MTV CAO SU LỘC NINH

TT	Họ		Loài	Ghi chú
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Tên khoa học	
1	Họ Bọ hung	Scarabaeidae	<i>Anomala cupripes</i>	Nhiều
2	Họ Kạp kìm	Lucanidae	<i>Prosopocoilus crenulidens</i>	Ít
3	Họ Kạp kìm	Lucanidae	<i>Odontolabis siva</i>	Nhiều
4	Họ Cerambycidae	Cerambycidae	<i>Dorysthenes walkeri</i>	Nhiều
5	Họ Bướm giáp	Nymphalidae	<i>Thaumantis diores</i>	Trung bình
6	Họ Bướm giáp	Nymphalidae	<i>Stichophthalma sp.</i>	Trung bình
7	Họ Chuồn chuồn	Euphaeidae	<i>Euphaea guerini</i>	Ít
8	Họ Chuồn chuồn	Euphaeidae	<i>Euphaea masoni</i>	Nhiều
9	Họ Bọ ngựa thường	Mantiidae	<i>Hierodula patellifera</i>	Nhiều
10	Họ Ve sầu	Cicalidae	<i>Cryptotympana mandarina</i>	Nhiều
11	Họ Ve sầu	Cicalidae	<i>Tosena melanoptera</i>	Nhiều
12	Họ Ve sầu sừng	Fulgoridae	<i>Pyrops spinolae</i>	Nhiều
13	Họ Bọ xít ăn sâu	Reduviidae	<i>Acanthaspis ruficeps</i>	Nhiều
14	Họ Bọ xít mép	Coreidae	<i>Mictis tenebrosa</i>	Nhiều
15	Họ Dế mèn	Gryllidae	<i>Teleogryllus mitratus</i>	Nhiều
16	Họ Châu chấu	Acrididae	<i>Coptacra tonkinensis</i>	Nhiều
17	Họ Châu chấu	Acrididae	<i>Traulia antennata</i>	Nhiều
18	Họ Sát sành	Tettigoniidae	<i>Liaromorpha buonluoiensis</i>	Nhiều
19	Họ Sát sành	Tettigoniidae	<i>Rhomboptera sp.</i>	Trung bình